

MS. CHI ENGLISH

Name: _____

Date: .../.../20...

Class: L3

Tel: 038 255 2594

GLOBAL STAGE 3

UNIT 4: WE CAN DO IT – VOCABULARY REVISION

A. OTHER VOCABULARY

No.	New word	Meaning	No.	New word	Meaning
1	act (v)	diễn xuất	3	middle (adj)	ở giữa
2	hide (v)	ẩn, trốn	4	onto (adv)	lên trên

*Note: adj (adjective): tính từ v (verb): động từ adv (adverb): trạng từ

*Con học thuộc nghĩa của từ, chỉnh phát âm theo từ điển và chép mỗi từ 2 dòng vào vở ghi.

B. HOMEWORK

I. Find the hidden word. (Tìm từ bị ẩn)

- | | | | |
|-------------------------|---------------|------------|---------|
| 0. mn team o | → <u>team</u> | 3. ocrewpo | → _____ |
| 1. wscriptam | → _____ | 4. sette | → _____ |
| 2. learly | → _____ | 5. cenoon | → _____ |

II. Uncramble. (Sắp xếp chữ cái)

- | | | | |
|--------------|---------------|----------------|---------|
| 0. wrCe | → <u>Crew</u> | 3. fcornePmrae | → _____ |
| 1. smtCuoe | → _____ | 4. ackstgaBe | → _____ |
| 2. aReesrahl | → _____ | 5. clSheued | → _____ |

III. Fill in the blanks with suitable letters. (Điền chữ cái thích hợp vào chỗ trống)

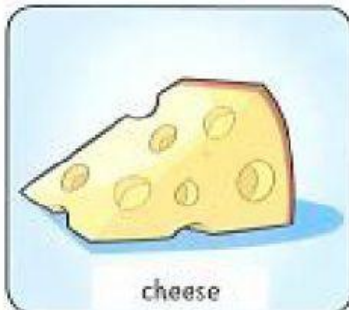
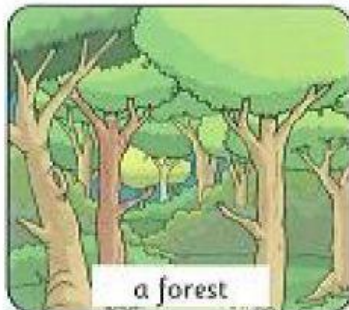
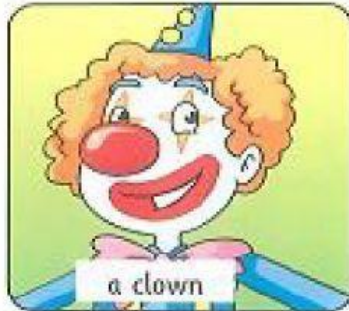
0. We went **b a c k s t a g e** to give the actress some flowers.
1. My father works at **m _ _ n _ _ _** so he often comes back home late.
2. Louis works as a film **_ i _ _ c _ _ _** who tells the actors what to do.
3. Students must go to school **o _ _ _ m _** and must not be late.
4. They enjoy our magic **_ e _ _ o _ _ a _ _ e**.

Part 1

– 5 questions –

Movers 2 – Test 1 – Part 1

Look and read. Choose the correct words and write them on the lines. There is one example.



Example

This is often yellow and many people eat it
between some bread.

cheese

Questions

- 1 When you go to a cinema you can
see this person.
- 2 Some people like climbing these and
you can often see snow on the top.
- 3 This is food that you take to eat outside.
- 4 This person works in a hospital
with people who are sick.
- 5 There are always lots of trees
in this place.

3